

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10494/UBND-KT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 12 năm 2016

V/v tham gia góp ý dự thảo
Quyết định ban hành Quy chế
tạo lập, quản lý và sử dụng vốn
NST ủy thác qua NHCSXH

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Đắk Lắk.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 3487/STC-TCĐN ngày 08/12/2016 của Sở Tài chính, về đề nghị ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Tư pháp và đề nghị Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Đắk Lắk tham gia góp ý vào dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh (dự thảo Quyết định kèm theo), gửi về Sở Tài chính trước ngày 06/01/2017.

2. Trên cơ sở góp ý của 02 đơn vị trên, Sở Tài chính tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định nói trên, trình UBND tỉnh ban hành trước ngày 13/01/2017 (có kèm theo bảng tổng hợp ý kiến tiếp thu, không tiếp thu và lý do).

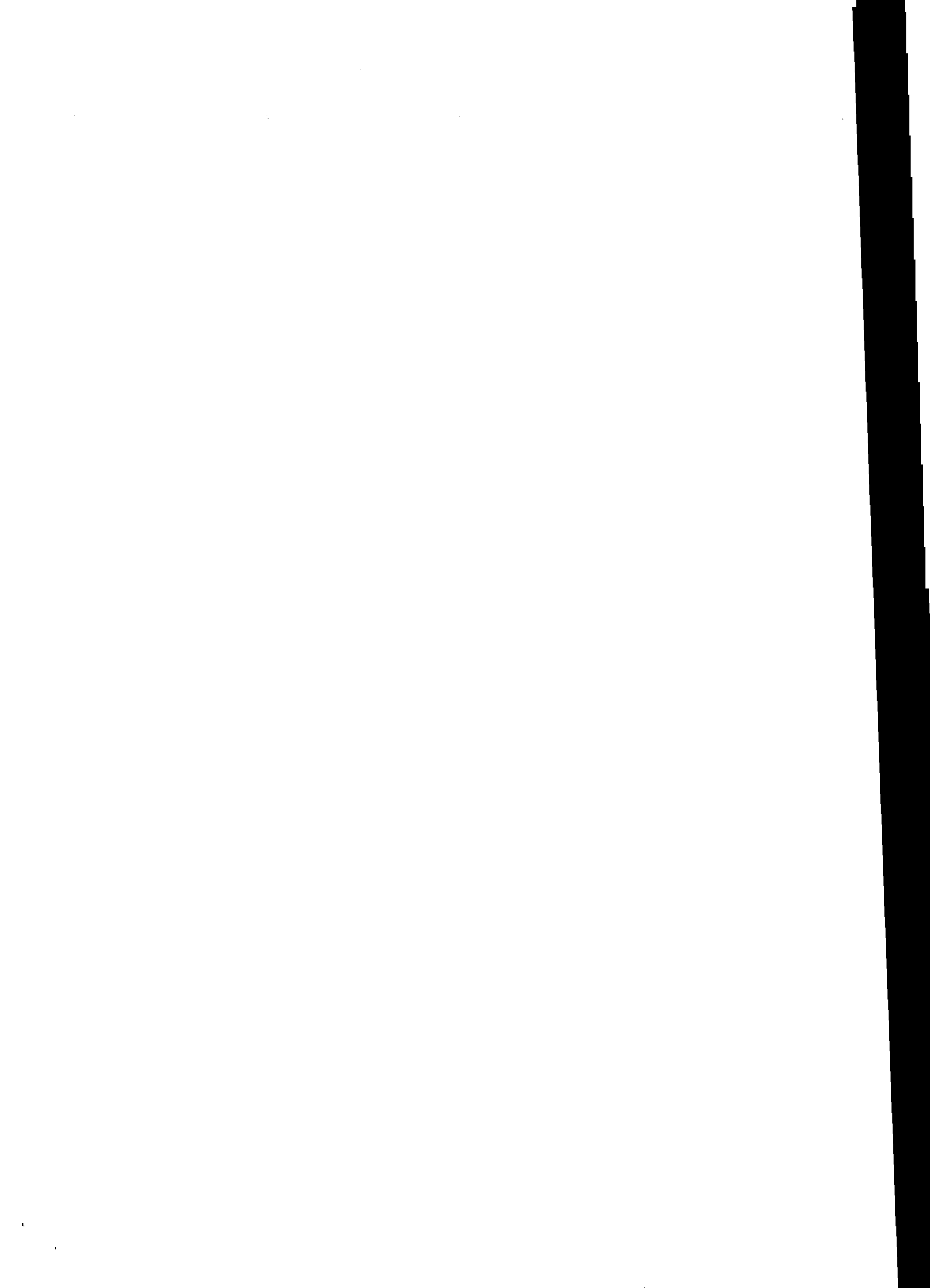
Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện./h

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- NHCSXH-CN Đắk Lắk;
- Lưu: VT, KT. (y_18b)



Nguyễn Thị Thu An



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: /QĐ-UBND

Dự thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội ban hành kèm Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2004 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội, về việc ban hành Quy định xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3487/STC-TCĐN ngày 08/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 về điều chỉnh một số nội

dung tại Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 31/12/2010; Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- NHCSXH Việt nam;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BDD HĐQT NHCSXH huyện, TX, TP;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội phụ nữ tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh, Tỉnh đoàn;
- Lưu: VT, KT (y_60)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Ninh

QUY CHẾ

Tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk (Chi nhánh NHCSXH tỉnh) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, gồm: Sở Tài chính; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan; các Tổ chức Hội đoàn thể nhận ủy thác; Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Điều 2. Mục đích cho vay

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh Đắk Lắk ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh giải ngân cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh vay để sử dụng vào mục đích phát triển sản xuất, chăn nuôi, kinh doanh, giải quyết việc làm, cải thiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Điều 3. Nguyên tắc tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn

1. Nguồn vốn được tạo lập từ ngân sách tỉnh Đắk Lắk chuyển sang ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Lắk để cho vay.

2. Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác phải đảm bảo đúng quy định tại Quy chế này và quy định của Pháp luật về quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước.

Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn

Hàng năm, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trích ngân sách bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh Đắk Lắk ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Cơ chế cho vay

Vốn từ ngân sách tỉnh Đắk Lắk ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay các đối tượng do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định, bao gồm: các chương trình tín dụng ưu đãi (người nghèo, giải quyết việc làm và các chương trình tín dụng chính sách khác). Mục đích cho vay, mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay áp dụng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo từng thời kỳ. Quy trình, thủ tục cho vay thực hiện theo văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam.

Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác

Việc hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của NHCSXH Việt Nam.

Điều 7. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác

Định kỳ hàng tháng, căn cứ số lãi cho vay thu được, Chi nhánh NHCSXH tỉnh tính toán phân bổ theo mức như sau:

1. Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), chi trả phí ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác theo quy định của NHCSXH.

2. Bù đắp chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách Xã hội tối thiểu bằng 60% số lãi thực thu (trường hợp sau khi số lãi thực thu đã bù đắp đủ các khoản chi phí tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 7 của Quy chế này mà vẫn còn, thì phần chênh lệch còn lại được để cho NHCSXH bù đắp chi phí quản lý).

3. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng:

Mức trích rủi ro bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp số dư nợ quá hạn, nợ khoanh lớn hơn 0,75% tính trên số dư nợ cho vay bằng nguồn vốn nhận ủy thác đầu tư tại ngày 31/12 thì mỗi năm trích tối thiểu 0,75% tính trên dư nợ cho vay cho đến khi số dư Quỹ dự phòng rủi ro bằng tổng nợ quá hạn và nợ khoanh.

Vào ngày 31/12 hàng năm, NHCSXH căn cứ số dư nợ quá hạn, nợ khoanh và số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng thực có để xác định số dự phòng phải trích bổ sung hay hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập theo quy định.

Trường hợp số lãi thực thu sau khi bù đắp chi phí quản lý của NHCSXH không đủ trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng hoặc trường hợp rủi ro bất khả kháng hộ vay không có khả năng trả nợ, Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ thì NHCSXH phối hợp với các ngành có liên quan báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định cấp kinh phí để bù đắp hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác đã chuyển cho NHCSXH.

4. Trích 5% số tiền lãi thực thu để làm kinh phí hoạt động và khen thưởng cho Ban Đại diện HĐQT NHCSXH nếu số lãi thực thu đã bù đắp đủ chi phí quản lý của NHCSXH và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Trường hợp số lãi thực thu không đủ, NHCSXH phối hợp với Sở Tài chính tỉnh tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh cấp từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 8. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài các cơ chế này, NHCSXH tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành xem xét, thẩm định, thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro:

a) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định đối với việc gia hạn nợ; tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác của địa phương.

c) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc xóa nợ gốc và lãi cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

4. Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro:

Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập và bù đắp theo quy định tại mục 3, Điều 7 của Quy chế này. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo cho Ban Đại diện HĐQT NHCSXH trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bổ sung vốn cho NHCSXH trong dự toán Ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Trường hợp đột xuất cần bổ sung vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả sử dụng vốn Ngân sách uỷ thác tại các đối tượng vay khi cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm định, phúc tra (nếu cần thiết) đối với hồ sơ khách hàng vay vốn bị rủi ro theo tổng hợp, đề nghị của NHCSXH.

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 7 của Quy chế này.

- Tham mưu UBND tỉnh xử lý khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác khi cần thiết.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác khi cần thiết.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, phúc tra (nếu cần thiết) đối với hồ sơ khách hàng vay vốn bị rủi ro theo tổng hợp, đề nghị của NHCSXH.

4. Các Tổ chức Hội đoàn thể nhận uỷ thác:

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với NHCSXH.

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các Tổ chức hội, đoàn thể cấp dưới, Tổ TK&VV và hộ vay vốn thực hiện tốt Quy chế này.

5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

- Quản lý và sử dụng vốn ủy thác theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

- Chủ trì, tham mưu Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh ban hành Quyết định phân giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho các đơn vị cấp huyện.

- Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng.

- Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

- Chủ động phối hợp với các bên liên quan lập hồ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Khi phát sinh nghiệp vụ khác, kịp thời báo cáo, đề xuất và tham mưu UBND tỉnh có biện pháp chỉ đạo phù hợp, đồng thời, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

6. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các Tổ chức hội, đoàn thể và NHCSXH cấp huyện tổ chức thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

7. Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn:

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

- Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

- Có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay.

Điều 10. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh do Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

